

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/KDTM-ST

Ngày: 21 - 01 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trường, là ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc T, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 123/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H; địa chỉ: Lô A, đường D, KCN Tây Bắc C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phùng Tấn T1, sinh năm 2000 và bà Phan Thị Thu T2, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Số B đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2025). Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Số C, tổ A, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang T3, sinh năm 2003, chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần H trình bày:

Ngày 10/01/2022, Công ty Cổ Phần H (viết tắt là Công ty H) là Bên bán đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01102022/THP-ĐD với Công ty Cổ Phần Đ nay đổi tên thành Công ty Cổ Phần Đ (viết tắt là Công ty Đ) là Bên mua. Theo đó, Công ty H cung cấp hàng hóa ngành sơn với số lượng và giá bán theo từng đơn đặt hàng cụ thể cho Công ty Đ. Về thời hạn thanh toán, Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa và hóa đơn. Công ty H đã thực hiện đúng nghĩa vụ Hợp đồng, tuy nhiên Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm 10% VAT là: 4.835.198.500 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Ngày 01/7/2023, Công ty H đã ký Phụ lục hợp đồng ngày 01/7/2023 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 01102022/THP-ĐD ngày 10/01/2022) với Công ty Đ. Theo đó các bên thỏa thuận, Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H toàn bộ số nợ quá hạn theo Hợp đồng số 01102022/THP-ĐD ngày 10/01/2022 trong thời hạn từ ngày 01/7/2023 (ngày ký phụ lục) đến hết ngày 31/12/2023. Trong trường hợp Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thì Công ty H có quyền tính lãi trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày Công ty Đ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên cho đến nay, Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho Công ty H. Vì vậy, Công ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty H. Do đó, Công ty Cổ phần H khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết như sau: Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty Cổ Phần H tổng số tiền tạm tính là: 5.831.381.862 đồng (Năm tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là: 4.835.198.500 đồng (Bốn tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 21/01/2026 theo mức lãi suất là 10%/năm là: 996.183.362 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố H1 phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không tham gia tố tụng, không trình bày, cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Cổ phần H khởi kiện yêu cầu trả tiền và lãi suất theo đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ; trụ sở: Số C, tổ A, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật “chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau, đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty Cổ phần Đ không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần H và bị đơn Công ty Cổ phần Đ ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01102022/THP-ĐĐ ngày 10/01/2022 và Phụ lục hợp đồng ngày 01/7/2023 (sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01102022/THP-ĐĐ ngày 10/01/2022) về việc mua bán hàng hóa và thực hiện việc thanh toán tiền. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã bán và xuất 17 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn bên mua, cụ thể: 3 ngày 21/01/2022, 4 ngày 21/01/2022, 6 ngày 24/01/2022, 8 ngày 26/01/2022, 9 ngày 26/01/2022, 13 ngày 28/02/2022, 14 ngày 28/02/2022, 15 ngày 04/3/2022, 21 ngày 31/3/2022, 22 ngày 31/3/2022, 23 ngày 31/3/2022, 26 ngày 28/4/2022, 27 ngày 28/4/2022, 35 ngày 31/5/2022, 36 ngày 31/5/2022, 39 ngày 18/6/2022, 45 ngày 23/7/2022, tổng số tiền là 4.835.198.500 đồng. Sau khi bán hàng hóa và xuất hóa đơn đến nay thì bị đơn không thanh toán tiền mua hàng còn nợ cho nguyên đơn.

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết là hợp đồng song vụ. Nguyên đơn bên bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn bên mua. Việc bị đơn mua hàng nhưng không thanh toán tiền đầy đủ và đúng thời gian đã thỏa thuận cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng hai bên ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc còn

nợ là 4.835.198.500 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chậm trả là 4.835.198.500 đồng với lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử vụ án ngày 21/01/2026 là 996.183.362 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi 10%/năm trên số tiền chậm trả là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 40, 85, 86, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;
- Các Điều 357, 430, 431, 434, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần H đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ trả cho Công ty Cổ phần H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2026 là: 5.831.381.862 đồng (Năm tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là: 4.835.198.500 đồng, tiền lãi chậm trả là: 996.183.362 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu 113.831.300 đồng (một trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi một triệu ba trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.800.441 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn bốn bốn mươi một đồng) theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0030958 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cảnh Khang